

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày: 01-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lý Thị Đào;

Ông Lương Minh Suốt.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-DS ngày 09/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Châu Văn Th, sinh năm 1975;

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M: Bà Trần Lê Q, sinh năm 1977 (bà Q có mặt).

Địa chỉ: Số 17 đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Văn S, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn bà Trần Lệ Q trình bày:*

Từ năm 2015, vợ chồng ông S bà L mua thức ăn nuôi tôm của ông Th, bà M bằng hình thức mua thiếu. Khi mua bà M và ông Th ghi chép vào một cuốn sổ nhỏ đưa cho ông S bà L giữ, còn ông Th và bà M thì quản lý bằng sổ cái.

Đến ngày 19/5/2020, vợ chồng bà M và ông S bà L chốt nợ thì ông S bà L còn nợ lại ông Th bà M số tiền 84.100.000 đồng. Đến ngày 22/8/2020 bà L đem tiền trả được 14.100.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng. Đến tháng 9/2020, ông S bà L ngưng mua thức ăn nuôi tôm của ông Th bà M. Ông Th bà M có đòi nợ nhiều lần nhưng ông S bà L không trả.

Khi cộng số tiền trong sổ cái do ông Th bà M ghi chép thì số nợ cuối cùng còn lại là 70.000.000 đồng nhưng khi cộng lại số tiền trong sổ nhỏ của ông S bà L do ông Th và bà M ghi chép thì chênh lệch một số khoản như sau:

- Trong sổ nhỏ ông S bà L quản lý thì ông Th và bà M ghi thiếu số tiền 10.128.000 đồng so với sổ cái của ông Th bà M ghi chép.

- Chênh lệch giá thức ăn nuôi tôm tăng trọng tổng số tiền là 2.160.000 đồng, do sổ ông Th bà M ghi giá thức ăn nuôi tôm tăng trọng là 670.000 đồng/bao, còn sổ ông S bà L do ông Th bà M ghi giá 660.000 đồng/bao;

- Số tiền mua thức ăn tôm ngày 05/10 là 3.280.000 đồng và ngày 08/2 là 1.980.000 đồng, sổ nhỏ của ông S bà L không có ghi hai khoản này nhưng sổ cái của ông Th bà M có ghi hai khoản tiền này.

Tại phiên hoà giải ngày 05/02/2021, ông Th bà M thống nhất số nợ ông S và bà L sau khi đã trừ đi các khoản chênh lệch nêu trên, còn nợ lại là 52.452.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 70.000.000 đồng theo như “Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ” ngày 19/5/2020 mà bà L đã ký với ông Th bà M, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày, theo nội dung hoà giải ngày 05/02/2021 nguyên đơn đồng ý trừ các khoản tiền chênh lệch là do nguyên đơn chưa cộng lại sổ sách, nay nguyên đơn cộng lại sổ sách thì thấy số nợ 70.000.000 đồng là chính xác. Hơn nữa, những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có thể hiện các bị đơn mua hàng của nguyên đơn. Ngoài ra, tại phiên hoà giải nguyên đơn chỉ đồng ý trừ các khoản chênh lệch với điều kiện là hoà giải thành, nay hoà giải không thành nên nguyên đơn không đồng trừ các khoản tiền chênh lệch nữa, yêu cầu các bị đơn trả số tiền 70.000.000 đồng.

*- Tại phiên các phiên hoà giải bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà bắt đầu mua thức ăn nuôi tôm của ông Th bà M bắt đầu từ năm 2015. Đến ngày 19/5/2020 thì chốt sổ, bà còn nợ ông Th bà M số tiền 84.100.000 đồng. Sau đó bà M kêu bà ký vào tờ “Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ” ngày 19/5/2020 là còn nợ số tiền 84.100.000 đồng. Sau đó bà có đem tiền trả được 14.100.000 đồng,

còn nợ lại 70.000.000 đồng. Bà thống nhất là có ký nhận với bà M số nợ còn lại là 70.000.000 đồng nhưng lúc đó bà chưa cộng lại sổ sách, nay bà cộng lại sổ sách và yêu cầu trừ ra số tiền chênh lệch khớp 1 là 10.128.000 đồng, khớp 2 là 9.900.000 đồng, tiền thức ăn ngày 05/10 là 3.280.000 đồng và ngày 08/2 03 bao thê là 1.980.000 đồng. Tổng số tiền chênh lệch là 27.448.000 đồng nên bà đồng ý trả cho ông Th bà M số tiền còn lại là 42.552.000 đồng nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả, khi nào bà có tiền thì trả cho ông Th bà M.

Số nợ tiền thức ăn nuôi tôm này là chỉ mình bà nợ. Bà nuôi tôm riêng một mình chứ ông S không có nuôi mặc dù ao nuôi tôm là của hai vợ chồng. Bà và ông S hiện nay sống riêng nhà, không còn sống chung với nhau 04 năm nay. Khi ông S đi lấy thức ăn nuôi tôm là lấy dùm cho bà. Bà và ông S cưới nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn, hiện nay không còn chung sống với nhau chứ chưa ly hôn tại Tòa án. Nay bà yêu cầu mình bà trả số tiền nợ cho nguyên đơn, bà không yêu cầu ông S cùng trả số nợ với bà.

*- Tại các phiên hoà giải ông Lê Văn S trình bày:*

Số nợ tiền thức ăn nuôi tôm này là chỉ mình bà L nợ. Ông có đi mua thức ăn nuôi tôm của ông Th bà M cho bà L và biết bà L còn nợ tiền ông Th bà M nhưng ông chỉ là mua giúp cho bà L. Bà L nuôi tôm riêng, ông không có nuôi cùng bà L. Ông và bà L hiện nay sống riêng nhà, không còn sống chung với nhau 04 năm nay. Ông và bà L cưới nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn, hiện nay không còn chung sống với nhau chứ chưa ly hôn tại Tòa án. Nay ông yêu cầu mình bà L trả số nợ cho ông Th bà M, ông không đồng ý trả cùng bà L.

*- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông S bà L vắng mặt, không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M số tiền nợ gốc là 52.452.000 đồng và tuyên trách nhiệm chịu án phí sơ thẩm và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông S bà L vắng

mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị L.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ mua bán thức ăn nuôi tôm là 70.000.000 đồng nhưng bà L chỉ đồng ý trả số nợ 42.552.000 đồng, còn ông Lê Văn S không đồng ý trả số nợ vì ông cho rằng nợ là của riêng bà L.

[3] Xét yêu cầu của ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M yêu cầu bị đơn trả số nợ 70.000.000 đồng:

Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án tờ “*Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ*” đề ngày 19/5/2020, nội dung chính như sau: *Sau khi đối chiếu, hai bên xác nhận nợ, đến hết ngày 03 tháng 5 năm 2020 Bên A còn nợ bên B tổng số tiền là 84.100.000 đồng. Bên A bà Nguyễn Thị L, bên B ông Châu Văn Th bà Trần Thị M đã ký. Theo biên bản xác nhận nợ nêu trên ông Th bà M và bà L đều thống nhất thời điểm ký biên bản ngày 19/5/2020 thì bà L còn nợ lại là 84.100.000 đồng nhưng sau đó bà L có trả được 14.100.000 đồng, còn lại là 70.000.000 đồng. Ông Th bà M và bà L đều thống nhất số nợ còn lại là 70.000.000 đồng.*

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số nợ bà L còn nợ lại sau khi ký nhận “*Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ*” đề ngày 19/5/2020 là 70.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên hoà giải ngày 05/02/2021, nguyên đơn thừa nhận sau khi cộng lại sổ nhỏ của ông S bà L thì ông bà ghi thiếu số tiền 10.128.000 đồng, tiền chênh lệch giá thức ăn nuôi tôm tăng trọng tổng là 2.160.000 đồng và ghi thiếu số tiền mua thức ăn ngày 05/10 là 3.280.000 đồng và ngày 08/2 là 1.980.000 đồng nên số nợ ông S bà L còn thiếu lại 52.452.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn trình bày ngày hoà giải 05/02/2021 là do nguyên đơn chưa cộng lại sổ sách, những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án có thể hiện các bị đơn mua hàng, nhưng những tài liệu nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không có thể hiện ngày bán 05/10 và ngày 08/2. Tại phiên hoà giải ngày 05/02/2021 cũng không thể hiện nguyên đơn đồng ý trừ các khoản chênh lệch với điều kiện là hoà giải thành. Hơn nữa, theo sổ sách của nguyên đơn ghi chép và tự quản lý mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì không rõ ràng, không có chữ ký xác nhận hay điểm chỉ của bị đơn ông S bà L [BL số 27,28, 29, 30, 31, 32].

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của các nguyên đơn tại phiên hoà giải ngày 05/02/2021 là bị đơn bà L còn nợ lại ông Th bà M số tiền 52.452.000 đồng là sau khi đã trừ ra các khoản chênh lệch.

[3] Xét ý kiến trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn S:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày bà yêu cầu trừ thêm số tiền 9.900.000 đồng, bà cho rằng đây là số tiền chênh lệch giữa sổ nguyên đơn và sổ của bà nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Sổ nhỏ ông Th bà M ghi chép giao cho ông S bà L quản lý thì ông S bà L không cung cấp cho Tòa án nên không có cơ sở xem xét. Bà L cũng

không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và hợp pháp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Bị đơn bà Nguyễn Thị L không chứng minh được nguyên đơn tính thêm số tiền 9.900.000 đồng nên ý kiến của bà L là không cơ sở chấp nhận.

Ông S và bà L thống nhất bà L trả số nợ cho ông Th bà M, ông S không đồng ý trả. Hội đồng xét xử xét thấy, bà L mua thức ăn nuôi tôm để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống hàng ngày. Ông S cũng thừa nhận ông S trực tiếp đi mua thức ăn nuôi tôm cho bà L, phần đất để nuôi tôm là chung của vợ chồng và ông bà cưới nhau năm 1984 là hôn nhân thực tế nhưng chưa ly hôn tại Tòa án nên ông S phải có trách nhiệm cùng bà L trả số nợ cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông S trình bày chỉ là đi lấy thức ăn nuôi tôm dùm cho bà L là không có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy ông S bà L còn nợ ông Th bà M tổng số tiền là 52.452.000 đồng. Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được pháp luật bảo vệ.

Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn nuôi tôm cho bên mua là các bị đơn. Các bị đơn đã nhận đủ tài sản do nguyên đơn chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận và bị đơn còn nợ lại số tiền là 52.452.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc các bị đơn trả số tiền 52.452.000 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn bà L trình bày hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu trả 01 lần hết số nợ khi án có hiệu lực pháp luật nên ý kiến của bị đơn bà L là không có cơ sở chấp nhận.

Về số nợ lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M: Buộc bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M số tiền nợ gốc là 52.452.000 đồng (năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L trả số tiền nợ gốc là 17.548.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

3. Về lãi suất: Nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M phải chịu 877.400 đồng (tám trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M đã nộp là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007496 ngày 04/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Châu Văn Th và bà Trần Thị M được nhận lại số tiền 872.600 đồng (tám trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Bị đơn ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị L phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.622.600 đồng (hai triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà

có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Mến**